

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NGỌC HIỂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 76/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 21-8-2017

Về việc tranh chấp xin ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGỌC HIỂN, TỈNH CÀ MAU**

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Minh Khánh.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Thanh Trung.

2. Ông Dương Thanh Hải.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Ân Tình là thư ký Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển.

Ngày 21 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 156/2017/TLST- HNGĐ ngày 08 tháng 6 năm 2017 về việc “Tranh chấp xin ly hôn”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 131/2017/QĐXXST- HNGĐ ngày 03 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Huỳnh Hoàng K, sinh năm 1968 (có mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp R, xã T, huyện N, tỉnh Cà Mau.

2. *Bị đơn:* Bà Sơn Thị P, sinh năm 1970 (vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp O, xã T, huyện N, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 08 tháng 6 năm 2017 và biên bản hòa giải ngày 31 tháng 7 năm 2017, nguyên đơn ông Huỳnh Hoàng K trình bày:

Ông Huỳnh Hoàng K và bà Sơn Thị P đã tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1986, không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Ông K xác định trong đời sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không hợp tính tình, bất đồng quan điểm, hôn nhân không hạnh phúc, trong đời sống vợ chồng không quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn

nhân không đạt được nên ông K yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà P.

Về con chung: Trong quá trình chung sống với nhau ông Huỳnh Hoàng K và bà Sơn Thị P có ba người con chung tên: Huỳnh G, sinh năm 1989; Huỳnh H, sinh năm 1991 và Huỳnh L, sinh năm 1994, hiện nay các con đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Tài sản chung, nợ thu, nợ trả: Ông K và bà P tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bản biên bản hòa giải ngày 31 tháng 7 năm 2017, bị đơn bà Sơn Thị P trình bày:

Về hôn nhân: Thời gian chung sống với nhau như ông K trình bày là đúng, bà P và ông K không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Trong đời sống vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi, vợ chồng không quan tâm chăm sóc lẫn nhau, nay ông K yêu cầu ly hôn bà P đồng ý.

Về con chung: Có 03 người con tên, tuổi như ông K trình bày là đúng. Hiện nay các con đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, nợ thu, nợ trả: Bà P và ông K tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Bà P có đơn xin xét xử vắng mặt.

Tại phiên tòa hôm nay: Ông K vẫn bảo lưu quan điểm yêu cầu xin được ly hôn với bà P. Về con chung hiện nay các con đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Về tài sản chung, nợ thu, nợ trả vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bà P vắng mặt nên không có ý kiến gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bà Sơn Thị P có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ vào khoản 1, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với bà P.

[2] Về hôn nhân: Ông Huỳnh Hoàng K và bà Sơn Thị P tự nguyện chung sống với nhau, không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên hôn nhân giữa ông K và bà P không được pháp luật thừa nhận. Ông K và bà P đều thừa nhận trong cuộc sống vợ chồng có phát sinh nhiều mâu thuẫn, không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng được nên cả hai người đều đồng ý ly hôn. Tuy nhiên do ông K và bà P hôn nhân không có đăng ký kết hôn theo luật định. Căn cứ vào khoản 1, Điều 14 Luật hôn nhân và gia

đình năm 2014 thì giữa ông K và bà P không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ chồng nên không được công nhận là vợ chồng.

[3] Về con chung: Ông Huỳnh Hoàng K và bà Sơn Thị P có ba người con chung tên: Huỳnh G, sinh năm 1989; Huỳnh H, sinh năm 1991 và Huỳnh L, sinh năm 1994, hiện nay các con đã trưởng thành ông K và bà P không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[4] Về phần tài sản chung, nợ thu, nợ trả: Ông Huỳnh Hoàng K và bà Sơn Thị P tự thỏa thuận không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Do ông Huỳnh Hoàng K có giấy chứng nhận hộ nghèo số: 14/GCN-HN ngày 03/01/2017 nên căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thương vụ Quốc Hội án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm ông K được miễn nộp.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn bà Sơn Thị P tại phiên tòa.

Áp dụng khoản 1, Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thương vụ Quốc Hội. Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Không công nhận ông Huỳnh Hoàng K và bà Sơn Thị P là vợ chồng.

- Về con chung: Ông Huỳnh Hoàng K và bà Sơn Thị P có ba người con chung tên: Huỳnh G, sinh năm 1989; Huỳnh H, sinh năm 1991 và Huỳnh L, sinh năm 1994, hiện nay các con đã trưởng thành, ông Huỳnh Hoàng K và bà Sơn Thị P không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ thu, nợ trả: Ông Huỳnh Hoàng K và bà Sơn Thị P tự thỏa thuận không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm ông K được miễn nộp.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- VKS nhân dân huyện Ngọc Hiển;
- Chi cục THA dân sự huyện Ngọc Hiển;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Lê Minh Khánh

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NGỌC HIỂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Ngọc Hiển, ngày 27 tháng 3 năm 2017

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vụ án: Hôn nhân và gia đình.

1. Nguyên đơn: Anh Huỳnh Trung Thi - sinh năm: 1996.

Địa chỉ: Số 166, Khóm 5, phường 5, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

2. Bị đơn: Chị Trần Kim Na - sinh năm 1983.

Địa chỉ: Ấp Cái Xép, xã Đất Mũi, huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau.

Tại phiên tòa hôm nay anh Huỳnh Trung Thi có mặt chị Trần Kim Na vắng mặt.

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Minh Khánh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hồng Chí Tính.

Ông Dương Thanh Hải.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ân Tình – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển.

Căn cứ vào Điều 236 Bộ luật tố tụng dân sự;

Hôm nay, ngày 27 tháng 3 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển. Hội đồng xét xử thảo luận thống nhất 3/3 quyết định:

Áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 8 Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội số 10/2009/PL-UBTVQH ngày 27 tháng 02 năm 2009. Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của anh Huỳnh Trung Thi được ly hôn với chị Trần Kim Na.

- Về con chung: Giao con tên Huỳnh Trần Thiên Thanh, sinh ngày 27/11/2004 hiện đang sống với anh Huỳnh Trung Thi cho anh Thi tiếp tục nuôi dưỡng. Chị Trần Kim Na không cấp dưỡng nuôi con.

Chị Trần Kim Na có quyền thăm nom, chăm sóc giáo dục con theo quy định của pháp luật nhưng không được lạm dụng quyền thăm nom, chăm sóc giáo dục con để cản trở việc nuôi con của anh Huỳnh Trung Thi.

- Về tài sản chung, nợ thu, nợ trả: Anh Huỳnh Trung Thi và chị Trần Kim Na tự thỏa thuận không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

- Về án phí: Anh Huỳnh Trung Thi phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 200.000 đồng. Phần dự nộp của anh Huỳnh Trung Thi 200.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0013230 ngày 14 tháng 10 năm 2016 được đối trừ.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Các hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa